

PHIẾU KHẢO SÁT

KHẢO SÁT NHU CẦU QUẢN LÝ VÀ TRIỂN KHAI TRUY XUẤT NGUỒN GỐC XUẤT XỨ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NGÀNH CÔNG THƯƠNG

(Đây là tài liệu chỉ sử dụng cho mục đích phục vụ khảo sát nhu cầu triển khai truy xuất nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, hàng hoá của các doanh nghiệp và đơn vị trên toàn quốc nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu thực tế làm căn cứ để đánh giá nhu cầu và thực trạng triển khai, ứng dụng truy xuất nguồn gốc xuất xứ đối với các sản phẩm, hàng hoá trên thị trường, tiến tới xây dựng hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc một cách phù hợp.)

Quý Doanh nghiệp, Quý Đơn vị tham gia khảo sát theo một trong hai hình thức sau:

1. Điền phiếu khảo sát, ký, đóng dấu gửi kèm theo văn bản và gửi về Công ty Cổ phần tư vấn giải pháp Trí tuệ nhân tạo (Địa chỉ: Số 15 Lô 1E, Trung Yên 11C, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội); hoặc
2. Truy cập địa chỉ khảo sát trực tuyến: <https://kstxng.idea.gov.vn/khao-sat> và làm theo hướng dẫn.

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin người điền phiếu

Họ tên: Nguyễn Tuấn Anh

Chức vụ: Nhân viên

Điện thoại: 02113760368

Email: toandevillived@gmail.com

2. Thông tin về doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh

Tên đơn vị: Chi nhánh Công ty Cổ phần đầu tư OSUM

Địa chỉ: Thôn Triệu Tổ, Trung Nguyên, Yên Lạc, Vĩnh Phúc

Điện thoại: 02113760368

Email: toannck32@wru.vn

PHẦN II. KHẢO SÁT VỀ DOANH NGHIỆP VÀ SẢN PHẨM

3. Loại hình của doanh nghiệp là?

(chỉ chọn một đáp án)

- ☐ Doanh nghiệp nhà nước
- ☒ Doanh nghiệp tư nhân
- ☐ Hợp tác xã
- ☐ Doanh nghiệp cổ phần
- ☐ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
- ☐ Công ty liên doanh
- ☐ Hộ kinh doanh cá thể
- ☐ Công ty trách nhiệm hữu hạn
- ☐ Khác:

4. Quy mô của doanh nghiệp là?

(chỉ chọn một đáp án)

- ☒ Doanh nghiệp lớn
- ☐ Doanh nghiệp vừa
- ☐ Doanh nghiệp nhỏ
- ☐ Doanh nghiệp siêu nhỏ

5. Nhân lực phân theo công việc của doanh nghiệp là?

(Chỉ liệt kê tối đa 10 công việc chính. Trường hợp một người làm nhiều việc thì tính 1 lần cho công việc chính của người đó)

STT	Tên công việc	Số người
1	Bảo vệ	1
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		
9		
10		

6. Hoạt động chính của doanh nghiệp là?

(có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Sản xuất
- ☒ Phân phối (Bán buôn, bán lẻ)
- ☐ Vận chuyển
- ☐ Khác:

7. Doanh nghiệp đã sử dụng mã số GS1 (GTIN, GLN, GCP, UPC) nào?

(có thể chọn nhiều đáp án)

- ☒ GTIN
- ☐ GLN
- ☐ GCP
- ☐ UPC
- ☐ Khác:

8. Doanh nghiệp sản xuất, phân phối các sản phẩm/nhóm sản phẩm nào?

Rượu

.....

.....

.....

.....

.....

.....

9. Các sản phẩm chủ lực chính của doanh nghiệp là?

Rượu 2

.....

PHẦN III. KHẢO SÁT VỀ KHÁCH HÀNG, THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ CỦA SẢN PHẨM

10. Thị trường tiêu thụ chủ yếu của sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất là?

(có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Trong nước
- ☐ Xuất khẩu Trung Quốc
- ☐ Xuất khẩu Mỹ
- ☐ Xuất khẩu các nước EU
- ☐ Khác:

11. Doanh nghiệp đã từng tham gia vào các khoá tập huấn, đào tạo về nghiên cứu, phát triển thị trường trong và ngoài nước?

(chỉ chọn một đáp án)

- ☐ Có
- ☐ Không

12. Thị trường xuất khẩu của các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất có yêu cầu đối với các thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm không?

(chỉ chọn một đáp án)

☐ Có

☐ Không

13. Khách hàng trong nước của các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất có nhu cầu tra cứu thông tin TXNG không?

(chỉ chọn một đáp án)

☐ Có

☐ Không

14. Doanh nghiệp có gặp khó khăn gì trong khâu tiêu thụ sản phẩm không?

(chỉ chọn một đáp án)

☐ Có

☐ Không

15. Nêu rõ khó khăn doanh nghiệp gặp phải trong khâu tiêu thụ sản phẩm:

.....

.....

PHẦN IV. KHẢO SÁT VỀ CHUỖI CUNG ỨNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

16. Doanh nghiệp có tham gia bồi dưỡng kiến thức về quy trình, kỹ thuật vệ sinh an toàn thực phẩm không?

(chỉ chọn một đáp án)

☐ Có

☐ Không

17. Doanh nghiệp đã có chứng nhận về quy trình sản xuất an toàn nào?

(có thể chọn nhiều đáp án)

☐ VietGap

☐ RA

☐ RFA

☐ UTZ

☐ Khác:

18. Nguồn nguyên liệu sản xuất sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất là?

(có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Sản xuất trong nước bởi doanh nghiệp khác
- ☐ Tự sản xuất
- ☐ Nhập khẩu
- ☐ Khác:

19. Các công việc trong quy trình sản xuất của các sản phẩm cùng một nhóm sản phẩm có giống nhau không?

(chỉ chọn một đáp án)

- ☐ Có
- ☐ Không
- ☐ Tùy nhóm sản phẩm

20. Mô tả quy trình các bước sản xuất/phân phối một sản phẩm tiêu biểu nhất của doanh nghiệp (từ khâu chuẩn bị sản xuất đến lúc vận chuyển, phân phối ra thị trường tới tay người tiêu dùng)

- Test

- Test1

- Test2

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

21. Quý doanh nghiệp có ghi lại nhật ký quá trình sản xuất/phân phối sản phẩm không?

(chỉ chọn một đáp án)

- ☐ Có
- ☐ Không

22. Mức độ thông tin TXNG mà doanh nghiệp đang quản lý, lưu trữ là?

(có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Rất chi tiết *(Bao gồm thông tin chi tiết của sản phẩm, thông tin chi tiết như: Thời gian, địa điểm, người thực hiện, chi tiết công việc thực hiện, hình ảnh minh chứng ... của từng hoạt động trong sản xuất/phân phối sản phẩm)*
- ☐ Cơ bản *(Bao gồm thông tin sản phẩm, thông tin cơ bản của từng sự kiện)*
- ☐ Khác:

23. Quý doanh nghiệp hiểu rõ về TXNG và lợi ích mang lại của việc quản lý TXNG sản phẩm, hàng hoá ở mức độ nào?

(chỉ chọn một đáp án)

- ☐ Hiểu rất rõ
- ☐ Hiểu những vấn đề cơ bản
- ☐ Hiểu sơ qua một ít
- ☐ Không hiểu gì

24. Doanh nghiệp có đang sử dụng hệ thống quản lý thông tin TXNG không?

(chỉ chọn một đáp án)

- ☐ Có
- ☐ Không

(Nếu không vui lòng bỏ qua các câu: 23, 24, 25, 26, 27, 28)

25. Hệ thống mà doanh nghiệp đang sử dụng là?

(có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Tự xây dựng
- ☐ Sử dụng của đơn vị cung cấp giải pháp
- ☐ Khác

26. Các kênh phục vụ quản lý, kê khai và truy xuất thông tin TXNG sản phẩm là?

(có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Webform
- ☐ Winform
- ☐ Mobile app (Android/ iOS)
- ☐ SMS
- ☐ Khác

27. Chi phí sử dụng giải pháp?

(chỉ chọn một đáp án)

- ☐ Có phí: *Mức phí là:*
- ☐ Miễn phí

28. Mức độ đáp ứng của hệ thống đối với các tiêu chuẩn về TXNG của Việt Nam và quốc tế?

(chỉ chọn một đáp án)

- ☐ Đáp ứng hoàn toàn
- ☐ Đáp ứng một phần
- ☐ Chưa đáp ứng
- ☐ Khác

29. Người dân, người tiêu dùng có thể tra cứu, đánh giá về thông tin cũng như chất lượng sản phẩm trên hệ thống không?

(chỉ chọn một đáp án)

- ☐ Có
- ☐ Không

30. Doanh nghiệp sẵn sàng kết nối và chia sẻ dữ liệu với các hệ thống TXNG nào sau đây?

(có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Chưa sẵn sàng kết nối
- ☐ Chưa sẵn sàng kết nối nhưng sẽ kết nối nếu như được hỗ trợ từ nguồn lực bên ngoài
- ☐ Sẵn sàng kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá Quốc gia
- ☐ Sẵn sàng kết nối với Cổng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá Bộ Công Thương
- ☐ Khác:

31. Đánh giá sự hiệu quả của giải pháp quản lý TXNG sản phẩm/ nhóm sản phẩm mà đơn vị đang sử dụng là?

(chỉ chọn một đáp án)

- ☐ Rất hiệu quả
- ☐ Hiệu quả một phần
- ☐ Không hiệu quả
- ☐ Khác:

PHẦN IV. KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU SỬ DỤNG HỆ THỐNG PHẦN MỀM CỔNG TXNG SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ BỘ CÔNG THƯƠNG

32. Quý doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng hệ thống phần mềm “Cổng TXNG sản phẩm, hàng hoá Bộ Công Thương” đối với sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất/phân phối không?

(chỉ chọn một đáp án)

- ☐ Có
- ☐ Không, vì đã có hệ thống
- ☐ Không, vì không có nhu cầu

(Nếu Không vui lòng bỏ qua các câu 31, 32, 34)

33. Doanh nghiệp mong muốn được sử dụng để quản lý, kê khai thông tin TXNG trên

kênh nào?

(có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Webform
- ☐ Winform
- ☐ Mobile app (Android/ iOS)
- ☐ Khác:

34. Nhu cầu của doanh nghiệp về khả năng TXNG thông tin sản phẩm là?

(có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Truy xuất đến thông tin sản phẩm
- ☐ Truy xuất đến lô mẻ sản phẩm
- ☐ Truy xuất đến từng đơn vị sản phẩm
- ☐ Truy xuất toàn bộ thông tin trong chuỗi cung ứng sản phẩm từ khi hình thành sản phẩm tới khi phân phối đến người tiêu dùng

35. Doanh nghiệp nhận định có những thuận lợi và khó khăn gì trong việc triển khai ứng dụng TXNG?

.....

36. Đề xuất sản phẩm doanh nghiệp mong muốn áp dụng TXNG đầu tiên trong danh sách các sản phẩm mà doanh nghiệp sản xuất/phân phối.

.....

PHẦN V. THÔNG TIN KHÁC

37. Các ý kiến đóng góp khác:

.....

.....

.....

.....

Ngày 19 tháng 11 năm 2023
NGƯỜI KHAI PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ, tên)